

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi,
hỗ trợ hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

Căn cứ khoản 7 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ
môi trường;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 365/TTr-
STNMT ngày 22 tháng 01 năm 2023; Báo cáo kết quả thẩm định số 2479/BC-STP
ngày 06 tháng 9 năm 2023 và Văn bản số 3407/STP-VBTT ngày 15/11/2023 của Sở
Tư pháp.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2024.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; (báo cáo)
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Báo Ninh Thuận, Đài PTTH tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, các phòng ban, đơn vị, Công báo;
- Lưu: VT. TT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Nam

QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý chất thải.

Điều 3. Yêu cầu chung về quản lý chất thải

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường ngày năm 2020 và Mục 1 Chương V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Mục 1 Chương IV Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chương II

QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Điều 4. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương VI Luật Bảo vệ môi trường, Mục 2 Chương V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Mục 2 Chương IV Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Căn cứ quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường và Hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt ban hành kèm theo Văn bản số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn

sinh hoạt, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phân loại chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh thành 03 nhóm như sau:

a) Nhóm 1. Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế, gồm: Giấy thải, nhựa thải, kim loại thải, thủy tinh thải, vải, đồ da, đồ gỗ, cao su, thiết bị điện, điện tử thải bỏ;

b) Nhóm 2. Chất thải thực phẩm, gồm: Thức ăn thừa, thực phẩm hết hạn sử dụng, các loại rau, củ, quả, trái cây và các phần thải bỏ sau khi sơ chế, chế biến món ăn, các sản phẩm bỏ đi từ thịt gia súc, gia cầm và thủy hải sản;

c) Nhóm 3. Chất thải rắn sinh hoạt khác, gồm:

- Chất thải công kênh: Tủ, bàn ghế, sofa, giường, nệm cũ hỏng, tủ sắt, khung cửa, cánh cửa, cành cây, gốc cây. Đối với chất thải này được quản lý theo quy định tại “Quy định phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công kênh trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận” ban hành kèm theo Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Các loại chất thải còn lại: Thực hiện phân loại theo hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt ban hành kèm theo Văn bản số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Thời điểm thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại các hộ gia đình, cá nhân: Chậm nhất là ngày 31/12/2024.

Điều 5. Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương VI Luật Bảo vệ môi trường, Mục 3 Chương V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Mục 3 Chương IV Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Quyết định số 75/2022/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy định về tuyến đường và thời gian hoạt động của phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại phải lắp đặt thiết bị định vị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 6. Quản lý chất thải nguy hại

Thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương VI Luật Bảo vệ môi trường, Mục 4 Chương V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Mục 4 Chương IV Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Điều 7. Quản lý nước thải

Thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương VI Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 8. Quản lý bụi, khí thải, tiếng ồn, ánh sáng, bức xạ, mùi khó chịu

Thực hiện theo quy định tại Mục 6 Chương VI Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 9. Quản lý nước thải tại chỗ, quản lý chất thải đặc thù

Thực hiện theo quy định tại Điều 74 Mục 5 Chương V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Mục 5 Chương IV Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý chất thải

1. Trách nhiệm của chủ nguồn thải

a) Chủ nguồn thải chất thải sinh hoạt: Các hộ gia đình, cơ quan, trường học có trách nhiệm chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt do chính quyền địa phương lựa chọn;

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm ký hợp đồng và chỉ được bàn giao chất thải rắn sinh hoạt với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển về nơi xử lý theo quy định.

b) Chủ nguồn thải chất thải công nghiệp thông thường: Lập biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường sau mỗi lần chuyển giao chất thải rắn thông thường theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Lập sổ nhật ký giao nhận chất thải để theo dõi số lượng, chủng loại chất thải, thời gian bàn giao và đơn vị tiếp nhận.

c) Chủ nguồn thải chất thải nguy hại: Phối hợp với chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại để lập chứng từ chất thải nguy hại khi chuyển giao chất thải nguy hại theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

d) Chủ nguồn thải chất thải rắn y tế: Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, giảm thiểu, tái chế, bàn giao chất thải y tế và chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và các quy định khác tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

2. Trách nhiệm chủ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải

a) Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt: Cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển do chính quyền địa phương lựa chọn theo quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường và có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP nhưng có hợp đồng chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho cơ sở vận chuyển do chính quyền địa phương lựa chọn theo quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

b) Chủ cơ sở xử lý chất thải sinh hoạt: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định đối với chất thải nguy hại từ chất thải rắn sinh hoạt hoặc phát sinh từ cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, phải thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định.

Lập, trình thẩm định, phê duyệt phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường, bảo đảm xử lý hết lượng chất thải rắn sinh hoạt tiếp nhận theo hợp đồng đã ký kết; được thanh toán đúng và đủ giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hợp đồng đã ký kết;

c) Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường;

d) Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 72 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy hoạch, bố trí quỹ đất cho khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, thực hiện việc giao đất kịp thời để triển khai xây dựng và vận hành khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị có liên quan lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh, bảo đảm phù hợp với điều kiện của địa phương và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định định mức kinh tế kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; phân loại chất thải rắn sinh hoạt; kỹ thuật xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao, chất thải công nghiệp thông thường khác để hoàn nguyên các khu vực đã kết thúc khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; xử lý, sử dụng, tái sử dụng chất thải nguy hại; sử dụng tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị và nông thôn;

d) Hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt được ban hành kèm theo Văn bản số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt;

đ) Hướng dẫn đóng bãi chôn lấp chất thải rắn; công nghệ, kỹ thuật xử lý tại chỗ nước thải sinh hoạt từ tổ chức, hộ gia đình tại các khu dân cư không tập trung; kỹ thuật và biểu mẫu khai báo, phân loại, thu gom, chất thải nguy hại; hướng dẫn kỹ thuật về phương tiện, thiết bị lưu chứa, vận chuyển, phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quá trình vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại;

e) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về quản lý chất thải; thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý chất thải trên địa bàn;

g) Hướng dẫn công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý chất thải.

4. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn sử dụng kỹ thuật về sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng và sử dụng trong các công trình xây dựng; sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng và sử dụng trong các công trình xây dựng;

b) Hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung; bố trí điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

5. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng bùn thải làm phân bón cho cây trồng; sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường khác làm nguyên liệu, vật liệu trong các công trình thủy lợi; thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trong hoạt động sản xuất nông nghiệp; sử dụng nước thải từ hoạt động chăn nuôi, nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường để tưới cây và xử lý phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác.

6. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

a) Hướng dẫn sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường làm nguyên liệu, vật liệu trong các công trình giao thông và các công trình khác, bảo đảm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Kế hoạch quốc gia thực hiện lộ trình chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường;

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm do chủ phương tiện vận chuyển làm rơi vãi, đổ chất thải bừa bãi trên vỉa hè, lòng đường và nơi công cộng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

7. Trách nhiệm của Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cơ sở y tế thực hiện việc thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải y tế theo quy định của Thông tư số 20/2021/TT-BYT và Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

8. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng chuyển giao công nghệ và giải pháp tái chế chất thải, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

9. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí từ dự toán chi ngân sách hàng năm thực hiện kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định và trong khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

10. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư, triển khai thực hiện các dự án, công trình về bảo vệ môi trường và công tác quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh.

11. Trách nhiệm của Sở Công thương

Hướng dẫn các doanh nghiệp trong các cụm công nghiệp tổ chức phân loại rác thải tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp theo đúng quy định; kiểm tra, giám sát việc thu gom và xử lý chất thải theo Quy định này.

12. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Hướng dẫn các khu và điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, địa điểm tập luyện, biểu diễn, thi đấu thể dục, thể thao, đơn vị tổ chức lễ hội tổ chức phân loại rác thải tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp theo đúng quy định; kiểm tra, giám sát việc thu gom và xử lý chất thải theo Quy định này.

13. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất thải của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh theo quy định.

14. Trách nhiệm của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

Hướng dẫn các chủ đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tổ chức phân loại rác thải tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp theo đúng quy định; kiểm tra, giám sát việc thu gom và xử lý chất thải theo Quy định này.

15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

b) Lập, phê duyệt hoặc trình cấp thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt hằng năm trên địa bàn;

c) Chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt xác định vị trí, thời gian tập kết, thời gian hoạt động và quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết, trạm trung chuyển phù hợp trên địa bàn; bảo đảm an toàn giao thông; hạn chế tối đa hoạt động vào giờ cao điểm.

16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 7 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường, điểm b và điểm c khoản 3 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

b) Xác định vị trí, thời gian hoạt động và quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt tại trạm trung chuyển thuộc địa bàn quản lý.

Chương III

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Điều 11. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động quản lý chất thải

Thực hiện theo quy định từ Điều 131 đến Điều 137 Mục 2 Chương X Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 12. Trách nhiệm thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động quản lý chất thải

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tham mưu thực hiện các chính sách hỗ trợ về đất đai theo quy định tại Điều 132 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường đối với các dự án có hoạt động đầu tư công trình bảo vệ môi trường; hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ về bảo vệ môi trường thuộc dự án, ngành nghề ưu đãi thực hiện ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường được quy định tại Phụ lục XXX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; hướng dẫn thực hiện quy định về ưu tiên mua sắm sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường trong hoạt động đấu thầu thực hiện dự án, nhiệm vụ đối với nhà thầu, nhà đầu tư sử dụng sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Sở Tài chính

Tham mưu thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế, phí và lệ phí theo quy định tại Điều 134 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; hướng dẫn thực hiện mua sắm xanh đối với các dự án, nhiệm vụ sử dụng vốn ngân sách sau khi Bộ Tài chính hoặc cơ quan có thẩm quyền ban hành.

4. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Ninh Thuận

Tham mưu thực hiện việc cho vay vốn, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 133 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; tài trợ, đồng tài trợ và hỗ trợ khác cho các hoạt động bảo vệ môi trường của tỉnh từ Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã tuyên truyền thực hiện Quy định này.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quy định này và các quy định khác về quản lý chất thải để các tổ chức, cá nhân biết thực hiện.

3. Các Sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tổ chức thực hiện Quy định này.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội các cấp vận động cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân thực hiện Quy định này và thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở có trách nhiệm giám sát việc quản lý chất thải; phân loại chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.
